

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH THỦY
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc.**

Bản án số: 01/2021/KDTM-ST
Ngày: 09 - 8 - 2021
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Hồng Canh

Ông Nguyễn Thanh Lâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tấn - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Tuấn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2020/TLST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2021/QĐXX-ST ngày 14 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (Viết tắt là: PVcomBank). Địa chỉ: Số 22 Q, phường T, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Đình L – Chủ tịch Hội đồng quản trị; Đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Xuân T – Chức vụ: Giám đốc khối quản lý và tái cấu trúc tài sản.

*Người được ủy quyền lại: Bà Phạm Thị Ngọc, Chức vụ: Chuyên gia tố tụng – Phòng QL KHCN MB – Khối quản lý và Tái cấu trúc tài sản; Địa chỉ: Số 22, Q, P. T, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn T, sinh năm 1985 và chị Trần Thị H, sinh năm 1987; Điều ĐKKHKT: Khu 2, xã Đ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (PVcomBank) trình bày:

Ngày 20/6/2018, Ngân hàng TMCP Đ (PVcomBank) và ông Lê Văn T, bà Trần Thị H đã ký kết hợp đồng cho vay số: 205/2018/HĐTD/PVB-LTG ngày 20/6/2018 (sau đây viết tắt là “Hợp đồng tín dụng”) với nội dung cụ thể như sau: Số tiền vay: 460.000.000 VNĐ (Bốn trăm sáu mươi triệu đồng). Mục đích: Mua xe ô tô tải mới để kinh doanh, thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất trong hạn: Theo từng khế ước nhận nợ; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là: 01 Xe ô tô tải có mui 03 chỗ ngồi màu trắng nhãn hiệu DONGFENG DFL1160BX5/HH-TM1.B170, số khung: LG

AX2B135H1818954; số máy: B1703378476184, Biển kiểm soát: 19C-13590; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 029555, Phòng Cảnh sát giao thông – Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 19/6/2018 cho bà Trần Thị H; Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 205/2018/HĐTD/PVB-LTG đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Ngay sau ký kết các Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng TMCP Đ (PVcomBank) đã thực hiện giải ngân cho anh T, chị H tổng số tiền: 460.000.000đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng tính đến ngày 21/10/2020 anh T, chị H đã trả được một phần nợ cho PVcombank là: Nợ gốc: 84.400.409VNĐ, Nợ lãi: 36.881.445đồng. Tổng cộng: 121.281.854đ (một trăm hai mươi một triệu hai trăm tám mươi một nghìn tám trăm năm mươi tư nghìn đồng).

Tính đến ngày xét xử vụ án (09/8/2021) anh Lê Văn T và chị Trần Thị H còn nợ PVcomBank số tiền nợ gốc là: 375.599.591 đồng (Trong đó: Gốc quá hạn: 191.611.591; Gốc trong hạn: 183.988.000đ); Nợ lãi là 127.077.446đ (Trong đó: Lãi trong hạn: 76.938.930đ; Lãi quá hạn: 50.138.516đ). Tổng dư nợ: 502.677.037đ (Năm trăm linh hai triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn không trăm ba mươi bảy đồng).

Kể từ ngày 22/10/2020 anh T, chị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, PVcomBank đã rất nhiều lần gửi thông báo, làm việc trực tiếp yêu cầu anh T, chị H thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng đến nay anh T, chị H vẫn không thực hiện.

Nay PVcomBank đề nghị Tòa án: Buộc anh T, chị H phải trả cho PVcomBank tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 09/8/2021 (ngày xét xử vụ án) là: 502.677.037đ (Năm trăm linh hai triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn không trăm ba mươi bảy đồng). Buộc anh T, chị H phải tiếp tục trả các khoản nợ lãi và phí phát sinh theo Hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử đến ngày thực trả hết toàn bộ khoản vay.

Trong trường hợp anh T, chị H không trả hết khoản nợ trên, đề nghị Tòa án tuyên trong bản án PVcomBank có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho PVcomBank là: 01 Xe ô tô tải có mui 03 chỗ ngồi màu trắng nhãn hiệu DONGFENG DFL1160BX5/HH-TM1.B170, số khung: LG AX2B135H1818954; số máy: B1703378476184, Biển kiểm soát: 19C-13590; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 029555, Phòng Cảnh sát giao thông – Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 19/6/2018 cho bà Trần Thị H;

Đề nghị Tòa án tuyên trong bản án trường hợp tài sản thế chấp kê biên, phát mại không đủ để thanh toán khoản nợ của anh T, chị H thì PVcomBank có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản, các nguồn thu khác thuộc sở hữu, sử dụng của anh T, chị H để xử lý thu hồi nợ.

Tài liệu do nguyên đơn cung cấp gồm: Hợp đồng cho vay, Hợp đồng thế chấp, Bảng tính lãi của khách hàng Lê Văn T từ khi vay đến khi xét xử sơ thẩm, công văn, thông báo thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với anh Lê Văn T.

Bị đơn là anh Lê Văn T có lời khai trình bày:

Ngày 20/6/2018, anh và chị Trần Thị H có vay của PVcomBank số tiền 460.000.000 VNĐ (Bốn trăm sáu mươi triệu đồng); Thời hạn vay: 60 tháng với mục đích: Mua xe ô tô để làm ăn trở hàng thuê phục vụ cuộc sống sinh hoạt gia đình. Lãi

suất vay được thể hiện theo hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng TMCP Đ (PVcomBank). Khi vay tiền của (PVcomBank), vợ chồng anh chị có thể chấp tài sản bảo đảm cho khoản vay là 01 Xe ô tô tải có mui 03 chỗ ngồi màu trắng nhãn hiệu DONGFENG DFL1160BX5/HH-TM1.B170, số khung: LG AX2B135H1818954; số máy: B1703378476184, Biển kiểm soát: 19C-13590; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 029555, Phòng Cảnh sát giao thông – Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 19/6/2018 cho bà Trần Thị H;

Sau khi được tiếp cận các tài liệu chứng cứ liên quan đến việc vay nợ và thế chấp tài sản giữa anh T, chị H với (PVcomBank). Anh T khẳng định: Chữ ký trong Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 205/2018/HĐBĐ/PVB-LTG và hợp đồng cho vay số 205/2018/HĐTD/PVB-LTG ngày 20/6/2018 cùng các tài liệu liên quan đến việc vay nợ được ký kết giữa ngân hàng (PVcomBank) với ông Lê Văn T và bà Trần Thị H là chữ ký của vợ chồng anh.

Quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng anh chị đã trả được 84.400.409đ tiền nợ gốc và 36.881.445đ tiền lãi cho Ngân hàng TMCP Đ. Anh T thừa nhận vợ chồng anh chị còn nợ gốc của PVcomBank 375.599.581VNĐ và nợ lãi tính đến ngày 21/10/2020 là 76.119.498VNĐ.

Do hoàn cảnh kinh tế hiện tại đang khó khăn, Anh T đề nghị Ngân hàng TMCP Đ tạo điều kiện kéo dài thời gian trả nợ để anh chị thu xếp làm ăn trả cho Ngân hàng.

*Quá trình giải quyết vụ án: Tòa án tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và Hòa giải cho chị Trần Thị H, anh Lê Văn T (anh T nhận thay và cam đoan giao ngay cho chị H) nhưng anh, chị vẫn không có mặt tại Tòa án để làm việc. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, niêm yết các văn bản tố tụng cho anh T, chị H theo đúng quy định của pháp luật.

Phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán trong việc xác định quan hệ tranh chấp là không đúng. Cụ thể: Tại thông báo thụ lý số 34/2020/TB-TLVA xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” xác định là tranh chấp dân sự theo Khoản 3 Điều 26 BLTTDS. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cần xác định đây là tranh chấp giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận, là tranh chấp về kinh doanh thương mại theo Khoản 1 Điều 30 BLTTDS. Quá trình giải quyết vụ án, thẩm phán đã xác định lại quan hệ tranh chấp đúng theo quy định của pháp luật và nội dung vụ án không thay đổi, không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Xét thấy nội dung trên đã được Tòa án khắc phục nên Viện kiểm sát không bàn hành kiến nghị.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử, thư ký ghi biên bản phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự. Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy là đúng quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 35, Điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 429, 274, 275, 280, 317, 318, 319, 323, 351, 352, 353, 463, 466, 468, Điều 299, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng; Khoản 1 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 205/2018/HĐTD/PVB-LTG ngày 20/6/2018 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ đối với anh Lê Văn T và chị Trần Thị H, với số tiền vay vốn là 460.000.000đ (*Bốn trăm sáu mươi triệu đồng*).

Xác nhận anh Lê Văn T và chị Trần Thị H đã trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ tính đến ngày 21/10/2020 gồm: Nợ gốc: 84.400.409đồng, Nợ lãi: 36.881.445đồng. Tổng cộng là: 121.281.854 (Một trăm hai mươi một triệu hai trăm tám mươi một nghìn tám trăm năm mươi tư đồng).

- Buộc anh Lê Văn T và chị Trần Thị H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền nợ gốc là: 375.599.591 đồng; Nợ lãi trong hạn là: 76.938.930đồng; Lãi quá hạn là: 50.138.516đồng. Tổng cộng tính đến hết ngày 09/8/2021 là: 502.677.037đ (Năm trăm linh hai triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn không trăm ba mươi bảy đồng).

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 09/8/2021), anh Lê Văn T và chị Trần Thị H không trả được cho Ngân hàng thì anh T và chị H còn phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 205/2018/HĐTD/PVB-LTG ngày 20/6/2018 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ với anh Lê Văn T và chị Trần Thị H, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Trong trường hợp anh T, chị H không trả hết khoản nợ trên, Cơ quan thi hành án có quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ đối với: 01 Xe ô tô tải có mui 03 chỗ ngồi màu trắng nhãn hiệu DONGFENG DFL1160BX5/HH-TM1.B170, số khung: LG AX2B135H1818954; số máy: B1703378476184, Biên kiểm soát: 19C-13590; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 029555, Phòng Cảnh sát giao thông – Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 19/6/2018 cho bà Trần Thị H, theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 205/2018/HĐTD/PVB-LTG.

Về án phí và chi phí Tố tụng khác: Anh Lê Văn T và chị Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phí xem xét thẩm định tài sản theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Tại Thông báo thụ lý vụ án xác định quan hệ tranh chấp Dân sự là không đúng. Đây là tranh chấp giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm c khoản 2 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự, nay xác định lại quan hệ tranh chấp, đây là tranh chấp kinh doanh thương mại, được phát sinh từ Hợp đồng tín dụng, cụ thể là “Tranh chấp

Hợp đồng tín dụng”. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy là đúng quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 35, Điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Đối với Bị đơn: Căn cứ vào các chứng cứ do nguyên đơn xuất trình và Tòa án thu thập tại Ủy ban nhân dân xã Đ và mẹ đẻ anh T là bà Phạm Thị Phúc xác định: Anh T, chị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu 2, xã Đ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Hiện tại anh T, chị H không có mặt tại địa phương, anh T và chị H làm việc ở đâu cũng không thông báo cho địa phương, gia đình người thân và Ngân hàng (PVcomBank) biết. Quá trình giải quyết vụ án, anh T có đến Tòa án một lần trình bày quan điểm và sau đó Tòa án đã triệu tập anh T, chị H nhiều lần tiếp theo đến Tòa án làm việc nhưng anh T và chị H không đến. Do không thể tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo cho bị đơn theo quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự được nên Tòa án tiến hành niêm yết công khai các văn bản Tố tụng quy định tại Điều 179 BLTTDS đối với bị đơn để giải quyết vụ án theo thủ tục chung là phù hợp

[3]. Đối với đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc, hiện đang thực hiện lệnh giãn cách theo chỉ thị 16/CT-TTg về cách ly xã hội để phòng, chống dịch COVID nên có đơn xin xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

[1]. Ngày 20/6/2018 anh Lê Văn T và chị Trần Thị H có ký hợp đồng vay vốn tại ngân hàng PVcomBank theo Hợp đồng tín dụng số: 205/2018/HĐTD/PVB-LTG với số tiền vay: 460.000.000đ (Bốn trăm sáu mươi triệu đồng). Mục đích theo Hợp đồng là Mua xe ô tô phục vụ kinh doanh. Tuy nhiên về thực tế theo lời khai của bị đơn mục đích vay vốn để mua xe ô tô làm ăn, trở hàng thuê phục vụ cuộc sống sinh hoạt gia đình. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất trong hạn: Theo từng khế ước nhận nợ; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn. Ngay sau ký kết các Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng TMCP Đ (PVcomBank) đã thực hiện giải ngân cho anh T, chị H tổng số tiền: 460.000.000đồng.

[2]. Tài sản bảo đảm cho khoản vay là: 01 Xe ô tô tải có mui 03 chỗ ngồi màu trắng nhãn hiệu DONGFENG DFL1160BX5/HH-TM1.B170, số khung: LG AX2B135H1818954; số máy: B1703378476184, Biển kiểm soát: 19C-13590; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 029555, Phòng Cảnh sát giao thông – Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 19/6/2018 cho bà Trần Thị H; Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 205/2018/HĐTD/PVB-LTG đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

[3]. Đối với khoản vay nợ theo hợp đồng tín dụng:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đưa ra những tài liệu, chứng cứ liên quan đến hợp đồng tín dụng số: 205/2018/HĐTD/PVB-LTG và Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 205/2018/HĐBĐ/PVB-LTG ngày 20/6/2018 đã ký kết giữa PVcomBank với anh T và chị H. Chị H vắng mặt không có lời khai, tuy nhiên anh T là người cùng ký tên trong hợp đồng vay tài sản, hợp đồng thế chấp đã thừa nhận các chữ ký, chữ viết trong hợp đồng và các tài liệu liên quan là do anh T và vợ là chị H ký. Đồng thời anh T đề nghị

cho vợ chồng anh xin được khất nợ và sẽ trả dần do hiện tại gia đình anh đang gặp khó khăn về tài chính. Tuy nhiên, phía đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý tiếp tục kéo dài thời gian trả nợ cho bị đơn nên đã phát sinh vụ án này.

Xét thấy: Hợp đồng tín dụng giữa PvcomBank với anh Lê Văn T và chị Trần Thị H, về nội dung và hình thức đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng: Tính đến ngày 21/10/2020 Anh T, chị H đã trả được cho Pvcombank tổng cộng là: 121.281.854đồng (Trong đó: Nợ gốc: 84.400.409đ, Nợ lãi: 36.881.445đ). Kể từ ngày 22/10/2020 anh T, chị H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 09/8/2021 (ngày xét xử vụ án) anh Lê Văn T và chị Trần Thị H còn nợ PVcomBank số tiền nợ gốc là: 375.599.591đồng (Gốc quá hạn: 191.611.591; Gốc trong hạn: 183.988.000đ); Nợ lãi là 127.077.446đ (Lãi trong hạn: 76.938.930đ; Lãi quá hạn: 50.138.516đ). Tổng dư nợ: 502.677.037đ. (Năm trăm linh hai triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn không trăm ba mươi bảy đồng).

Mặc dù chưa hết thời hạn trả nợ gốc và lãi, cụ thể: “ Thời hạn vay theo Hợp đồng số: 205/2018/HĐTD/PVB-LTG là 60 tháng, kể từ ngày giải ngân đầu tiên (Ngày 20/6/2018), kỳ hạn trả nợ gốc và lãi được trả định kỳ vào ngày 18 hàng tháng. Như vậy, đến ngày 20/6/2023 mới hết hạn trả nợ gốc và lãi, nhưng anh T, chị H mới trả gốc và lãi cho ngân hàng đến ngày 21/10/2020 thì không trả được nữa, mặc dù Ngân hàng đã rất nhiều lần gửi thông báo, làm việc trực tiếp yêu cầu anh T, chị H thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Như vậy, anh T và chị H đã vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng về nghĩa vụ thanh toán trong Hợp đồng, nên Ngân hàng TMCP Đ có quyền chấm dứt cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn là phù hợp quy định định tại Khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Nay Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu anh T và chị H phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là: 375.599.591 đ (Gốc quá hạn: 191.611.591; Gốc trong hạn: 183.988.000đ); Nợ lãi là 127.077.446đ (Lãi trong hạn: 76.938.930đ; Lãi quá hạn: 50.138.516đ). Tổng dư nợ: 502.677.037đ (Năm trăm linh hai triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn không trăm ba mươi bảy đồng). Đồng thời buộc anh T, chị H phải tiếp tục trả các khoản nợ lãi và phí phát sinh theo Hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử đến ngày thực trả hết toàn bộ khoản vay. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[4]. Đối với tài sản thế chấp: Tại phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của Đội đăng ký xe – Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Phú Thọ trả lời: Loại xe tải có mui 03 chỗ ngồi màu trắng nhãn hiệu DONGFENG, số loại: DFL1160BX5, số khung: LG AX2B135H1818954; số máy: B1703378476184, Biển kiểm soát: 19C-13590; Ngày đăng ký: 19/6/2018; Chủ xe: Trần Thị H, địa chỉ: Khu 2, Đ, Thanh Thủy, Phú Thọ. Như vậy, có căn cứ xác định chiếc xe trên thuộc sở hữu của chủ xe chị Trần Thị H. Để đảm bảo cho khoản vay trên, anh T cùng vợ là chị H đã ký hợp đồng thế chấp xe ô tô trên theo Hợp đồng thế chấp số: 205/2018/HĐBĐ/PVB-LTG với PvcomBank. Anh T thừa nhận đã cùng vợ là chị dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hà Nội. Như vậy, việc thế chấp tài sản bảo đảm giữa anh T, chị H với PvcomBank đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Do đó, trường hợp anh T, chị H không trả được nợ cho Ngân hàng TMCP Đ, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản

thể chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng là phù hợp, cần được chấp nhận.

[5]. Về án phí và chi phí tố tụng khác: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phí xem xét thẩm định tài sản đối với tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ là phù hợp quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 429, 274, 275, 280, 317, 318, 319, 323, 351, 352, 353, 463, 466, 468, Điều 299, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 92, Điều 273, khoản 1 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 205/2018/HĐTD/PVB-LTG ngày 20/6/2018 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ đối với anh Lê Văn T và chị Trần Thị H, với số tiền vay vốn là 460.000.000đ (*Bốn trăm sáu mươi triệu đồng*).

Xác nhận anh Lê Văn T và chị Trần Thị H đã trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ tính đến ngày 21/10/2020 gồm: Nợ gốc: 84.400.409đồng, Nợ lãi: 36.881.445đồng. Tổng cộng là: 121.281.854 (Một trăm hai mươi một triệu hai trăm tám mươi một nghìn tám trăm năm mươi tư đồng).

2. Buộc anh Lê Văn T và chị Trần Thị H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền còn nợ gốc là: 375.599.591 đồng; Nợ lãi trong hạn là: 76.938.930đồng; Lãi quá hạn là: 50.138.516đồng. Tổng cộng tính đến hết ngày 09/8/2021 là: 502.677.037đ (Năm trăm linh hai triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn không trăm ba mươi bảy đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 09/8/2021), anh Lê Văn T và chị Trần Thị H không trả được nợ cho Ngân hàng, thì anh T và chị H còn phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 205/2018/HĐTD/PVB-LTG ngày 20/6/2018 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ với anh Lê Văn T và chị Trần Thị H, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trong trường hợp anh T, chị H không trả hết khoản nợ trên, Cơ quan thi hành án có quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ đối với: 01 Xe ô tô tải có mui 03 chỗ ngồi màu trắng nhãn hiệu DONGFENG DFL1160BX5/HH-TM1.B170, số khung: LG AX2B135H1818954; số máy: B1703378476184, Biển kiểm soát: 19C-13590; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 029555, do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 19/6/2018

cho bà Trần Thị H, theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 205/2018/HĐTD/PVB-LTG, giữa anh Lê Văn T, chị Trần Thị H với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

3. Về án phí: Anh Lê Văn T và chị Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 24.107.081đ (Hai mươi bốn triệu một trăm linh bảy nghìn không trăm tám mươi một đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.000.000đ (Mười một triệu đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000688 ngày 21/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

4. Về chi phí tố tụng: Anh Lê Văn T và chị Trần Thị H phải chịu chi phí xem xét thẩm định tài sản là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) và có nghĩa vụ trả số tiền này cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự."

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện TT;
- Thi hành án DS huyện TT;
- Lưu HS+ AV.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hồng

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH THỦY
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc.**

Bản án số: 01/2021/KDTM-ST

Ngày: 09 - 8 - 2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Hồng Canh

Ông Nguyễn Thanh Lâm

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Tấn là Thư ký Toà án của Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Ông Hoàng Tuấn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2020/TLST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2021/QĐXX-ST ngày 14 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (Viết tắt là: PVcomBank). Địa chỉ: Số 22 Q, phường T, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Đình L – Chủ tịch Hội đồng quản trị; Đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Xuân T – Chức vụ: Giám đốc khối quản lý và tái cấu trúc tài sản.

*Người được ủy quyền lại: Bà Phạm Thị Ngọc, Chức vụ: Chuyên gia tố tụng – Phòng QL KHCN MB – Khối quản lý và Tái cấu trúc tài sản; Địa chỉ: Số 22, Q, P. T, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1985 và chị Trần Thị H, sinh năm 1987; Điều ĐKKHKT: Khu 2, xã Đ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (PVcomBank) trình bày:

Ngày 20/6/2018, Ngân hàng TMCP Đ (PVcomBank) và ông Lê Văn T, bà Trần Thị H đã ký kết hợp đồng cho vay số: 205/2018/HĐTD/PVB-LTG ngày 20/6/2018 (sau đây viết tắt là “Hợp đồng tín dụng”) với nội dung cụ thể như sau: Số tiền vay: 460.000.000 VNĐ (Bốn trăm sáu mươi triệu đồng). Mục đích: Mua xe ô tô tải mới để kinh doanh, thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất trong hạn: Theo từng khế ước nhận nợ; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là: 01 Xe ô tô tải có mui 03 chỗ ngồi màu trắng nhãn hiệu DONGFENG DFL1160BX5/HH-TM1.B170, số khung: LG AX2B135H1818954; số máy: B1703378476184, Biển kiểm soát: 19C-13590; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 029555, Phòng Cảnh sát giao thông – Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 19/6/2018 cho bà Trần Thị H; Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 205/2018/HĐTD/PVB-LTG đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp

luật.

Ngay sau ký kết các Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng TMCP Đ (PVcomBank) đã thực hiện giải ngân cho anh T, chị H tổng số tiền: 460.000.000đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng tính đến ngày 21/10/2020 anh T, chị H đã trả được một phần nợ cho PVcombank là: Nợ gốc: 84.400.409VNĐ, Nợ lãi: 36.881.445đồng. Tổng cộng: 121.281.854đ (một trăm hai mươi một triệu hai trăm tám mươi một nghìn tám trăm năm mươi tư nghìn đồng).

Tính đến ngày xét xử vụ án (09/8/2021) anh Lê Văn T và chị Trần Thị H còn nợ PVcomBank số tiền nợ gốc là: 375.599.591 đồng (Trong đó: Gốc quá hạn: 191.611.591; Gốc trong hạn: 183.988.000đ); Nợ lãi là 127.077.446đ (Trong đó: Lãi trong hạn: 76.938.930đ; Lãi quá hạn: 50.138.516đ). Tổng dư nợ: 502.677.037đ (Năm trăm linh hai triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn không trăm ba mươi bảy đồng).

Kể từ ngày 22/10/2020 anh T, chị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, PVcomBank đã rất nhiều lần gửi thông báo, làm việc trực tiếp yêu cầu anh T, chị H thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng đến nay anh T, chị H vẫn không thực hiện.

Nay PVcomBank đề nghị Tòa án: Buộc anh T, chị H phải trả cho PVcomBank tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 09/8/2021 (ngày xét xử vụ án) là: 502.677.037đ (Năm trăm linh hai triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn không trăm ba mươi bảy đồng). Buộc anh T, chị H phải tiếp tục trả các khoản nợ lãi và phí phát sinh theo Hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử đến ngày thực trả hết toàn bộ khoản vay.

Trong trường hợp anh T, chị H không trả hết khoản nợ trên, đề nghị Tòa án tuyên trong bản án PVcomBank có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho PVcomBank là: 01 Xe ô tô tải có mui 03 chỗ ngồi màu trắng nhãn hiệu DONGFENG DFL1160BX5/HH-TM1.B170, số khung: LG AX2B135H1818954; số máy: B1703378476184, Biển kiểm soát: 19C-13590; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 029555, Phòng Cảnh sát giao thông – Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 19/6/2018 cho bà Trần Thị H;

Đề nghị Tòa án tuyên trong bản án trường hợp tài sản thế chấp kê biên, phát mại không đủ để thanh toán khoản nợ của anh T, chị H thì PVcomBank có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản, các nguồn thu khác thuộc sở hữu, sử dụng của anh T, chị H để xử lý thu hồi nợ.

Tài liệu do nguyên đơn cung cấp gồm: Hợp đồng cho vay, Hợp đồng thế chấp, Bảng tính lãi của khách hàng từ khi vay đến khi

Bị đơn là anh Lê Văn T có lời khai trình bày:

Ngày 20/6/2018, anh và chị Trần Thị H có vay của PVcomBank số tiền 460.000.000 VNĐ (Bốn trăm sáu mươi triệu đồng); Thời hạn vay: 60 tháng với mục đích: Mua xe ô tô để làm ăn trở hàng thuê phục vụ cuộc sống sinh hoạt gia đình. Lãi suất vay được thể hiện theo hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng TMCP Đ (PVcomBank). Khi vay tiền của (PVcomBank), vợ chồng anh chị có thể chấp tài sản bảo đảm cho khoản vay là 01 Xe ô tô tải có mui 03 chỗ ngồi màu trắng nhãn hiệu DONGFENG DFL1160BX5/HH-TM1.B170, số khung: LG AX2B135H1818954; số máy: B1703378476184, Biển kiểm soát: 19C-13590; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số:

029555, Phòng Cảnh sát giao thông – Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 19/6/2018 cho bà Trần Thị H;

Sau khi được tiếp cận các tài liệu chứng cứ liên quan đến việc vay nợ và thế chấp tài sản giữa anh T, chị H với (PVcomBank). Anh T khẳng định: Chữ ký trong Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 205/2018/HĐBĐ/PVB-LTG và hợp đồng cho vay số 205/2018/HĐTD/PVB-LTG ngày 20/6/2018 cùng các tài liệu liên quan đến việc vay nợ được ký kết giữa giữa ngân hàng (PVcomBank) với ông Lê Văn T và bà Trần Thị H là chữ ký của vợ chồng anh.

Quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng anh chị đã trả được 84.400.409đ tiền nợ gốc và 36.881.445đ tiền lãi cho Ngân hàng TMCP Đ. Anh T thừa nhận vợ chồng anh chị còn nợ gốc của PVcomBank 375.599.581VNĐ và nợ lãi tính đến ngày 21/10/2020 là 76.119.498VNĐ.

Do hoàn cảnh kinh tế hiện tại đang khó khăn, Anh T đề nghị Ngân hàng TMCP Đ tạo điều kiện kéo dài thời gian trả nợ để anh chị thu xếp làm ăn trả cho Ngân hàng.

*Quá trình giải quyết vụ án: Tòa án tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và Hòa giải cho chị Trần Thị H, anh Lê Văn T (anh T nhận thay và cam đoan giao ngay cho chị H) nhưng anh, chị vẫn không có mặt tại Tòa án để làm việc. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, niêm yết các văn bản tố tụng cho anh T, chị H theo đúng quy định của pháp luật.

Phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký ghi biên bản phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự. Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 429, 274, 275, 280, 317, 318, 319, 323, 351, 352, 353, 463, 466, 468, Điều 299, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng; Khoản 1 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 205/2018/HĐTD/PVB-LTG ngày 20/6/2018 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ đối với anh Lê Văn T và chị Trần Thị H, với số tiền vay vốn là 460.000.000đ (*Bốn trăm sáu mươi triệu đồng*).

Xác nhận anh Lê Văn T và chị Trần Thị H đã trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ tính đến ngày 21/10/2020 gồm: Nợ gốc: 84.400.409đồng, Nợ lãi: 36.881.445đồng. Tổng cộng là: 121.281.854 (*Một trăm hai mươi một triệu hai trăm tám mươi một nghìn tám trăm năm mươi tư đồng*).

- Buộc anh Lê Văn T và chị Trần Thị H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền nợ gốc là: 375.599.591 đồng; Nợ lãi trong hạn là: 76.938.930đồng; Lãi quá hạn là: 50.138.516đồng. Tổng cộng tính đến hết ngày 09/8/2021 là: 502.677.037đ (*Năm trăm linh hai triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn*

không trăm ba mươi bảy đồng).

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 09/8/2021), anh Lê Văn T và chị Trần Thị H không trả được cho Ngân hàng thì anh T và chị H còn phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 205/2018/HĐTD/PVB-LTG ngày 20/6/2018 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ với anh Lê Văn T và chị Trần Thị H, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Trong trường hợp anh T, chị H không trả hết khoản nợ trên, Cơ quan thi hành án có quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ đối với: 01 Xe ô tô tải có mui 03 chỗ ngồi màu trắng nhãn hiệu DONGFENG DFL1160BX5/HH-TM1.B170, số khung: LG AX2B135H1818954; số máy: B1703378476184, Biên kiểm soát: 19C-13590; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 029555, Phòng Cảnh sát giao thông – Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 19/6/2018 cho bà Trần Thị H, theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 205/2018/HĐTD/PVB-LTG .

Về án phí và chi phí Tố tụng khác: Anh Lê Văn T và chị Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phí xem xét thẩm định tài sản theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Trong bản “Hợp đồng cho vay” giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (PVcomBank) với vợ chồng anh T, chị H có ghi: Mục đích sử dụng số tiền vay: Mua ô tô tải mới phục vụ mục đích kinh doanh. Tuy nhiên (PVcomBank) không cung cấp được tài liệu chứng minh việc kinh doanh của bị đơn. Quá trình làm việc tại Tòa án, bị đơn anh T khẳng định việc vay tiền của (PVcomBank) mục đích để mua xe làm ăn trở hàng thuê phục vụ cuộc sống sinh hoạt gia đình. Do đó căn cứ Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định là quan hệ tranh chấp dân sự, cụ thể là “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”; Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy là đúng quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35, Điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Đối với Bị đơn: Căn cứ vào các chứng cứ do nguyên đơn xuất trình và Tòa án thu thập tại Ủy ban nhân dân xã Đ và mẹ đẻ anh T là bà Phạm Thị Phúc xác định: Anh T, chị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu 2, xã Đ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Hiện tại anh T, chị H không có mặt tại địa phương, anh T và chị H làm việc ở đâu cũng không thông báo cho địa phương, gia đình người thân và Ngân hàng (PVcomBank) biết. Quá trình giải quyết vụ án, anh T có đến Tòa án một lần trình bày quan điểm và sau đó Tòa án đã triệu tập anh T, chị H nhiều lần tiếp theo đến Tòa án làm việc nhưng anh T và chị H không đến. Do không thể tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo cho bị đơn theo quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự được nên Tòa án tiến hành niêm yết công khai các văn bản Tố tụng quy định tại Điều 179 BLTTDS đối với bị đơn để giải quyết vụ án theo thủ tục chung là phù hợp

[3]. Đối với đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc, hiện đang thực hiện lệnh giãn cách theo chỉ thị 16/CT-TTg về cách ly xã hội để phòng, chống dịch COVID nên có đơn xin xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 , Khoản 1

Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

[1]. Ngày 20/6/2018 anh Lê Văn T và chị Trần Thị H có ký hợp đồng vay vốn tại ngân hàng PVcomBank theo Hợp đồng tín dụng số: 205/2018/HĐTD/PVB-LTG với số tiền vay: 460.000.000đ (Bốn trăm sáu mươi triệu đồng). Mục đích theo Hợp đồng là Mua xe ô tô phục vụ kinh doanh. Tuy nhiên về thực tế theo lời khai của bị đơn mục đích vay vốn để mua xe ô tô làm ăn, trở hàng thuê phục vụ cuộc sống sinh hoạt gia đình. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất trong hạn: Theo từng khế ước nhận nợ; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn. Ngay sau ký kết các Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng TMCP Đ (PVcomBank) đã thực hiện giải ngân cho anh T, chị H tổng số tiền: 460.000.000đồng.

[2]. Tài sản bảo đảm cho khoản vay là: 01 Xe ô tô tải có mui 03 chỗ ngồi màu trắng nhãn hiệu DONGFENG DFL1160BX5/HH-TM1.B170, số khung: LG AX2B135H1818954; số máy: B1703378476184, Biển kiểm soát: 19C-13590; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 029555, Phòng Cảnh sát giao thông – Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 19/6/2018 cho bà Trần Thị H; Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 205/2018/HĐTD/PVB-LTG đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

[3]. Đối với khoản vay nợ theo hợp đồng tín dụng:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đưa ra những tài liệu, chứng cứ liên quan đến hợp đồng tín dụng số: 205/2018/HĐTD/PVB-LTG và Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 205/2018/HĐBĐ/PVB-LTG ngày 20/6/2018 đã ký kết giữa PVcomBank với anh T và chị H. Chị H vắng mặt không có lời khai, tuy nhiên anh T là người cùng ký tên trong hợp đồng vay tài sản, hợp đồng thế chấp đã thừa nhận các chữ ký, chữ viết trong hợp đồng và các tài liệu liên quan là do anh T và vợ là chị H ký. Đồng thời anh T đề nghị cho vợ chồng anh xin được khất nợ và sẽ trả dần do hiện tại gia đình anh đang gặp khó khăn về tài chính. Tuy nhiên, phía đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý tiếp tục kéo dài thời gian trả nợ cho bị đơn nên đã phát sinh vụ án này.

Xét thấy: Hợp đồng tín dụng giữa PvcomBank với anh Lê Văn T và chị Trần Thị H, về nội dung và hình thức đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng: Tính đến ngày 21/10/2020 Anh T, chị H đã trả được cho Pvcombank tổng cộng là: 121.281.854đồng (Trong đó: Nợ gốc: 84.400.409đ, Nợ lãi: 36.881.445đ). Kể từ ngày 22/10/2020 PVcomBank đã rất nhiều lần gửi thông báo, làm việc trực tiếp yêu cầu anh T, chị H thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nhưng anh T, chị H vẫn không thực hiện. Tính đến ngày 09/8/2021 (ngày xét xử vụ án) anh Lê Văn T và chị Trần Thị H còn nợ PVcomBank số tiền nợ gốc là: 375.599.591đồng (Gốc quá hạn: 191.611.591; Gốc trong hạn: 183.988.000đ); Nợ lãi là 127.077.446đ (Lãi trong hạn: 76.938.930đ; Lãi quá hạn: 50.138.516đ). Tổng dư nợ: 502.677.037đ. (Năm trăm linh hai triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn không trăm ba mươi bảy đồng).

Như vậy, Anh T và chị H đã vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng về nghĩa vụ thanh toán trong Hợp đồng. Ngân hàng TMCP Đ có quyền chấm dứt cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn là phù hợp quy định của pháp luật

Nay Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu anh T và chị H phải trả cho Ngân hàng số tiền

nợ gốc là: 375.599.591 đ (Gốc quá hạn: 191.611.591; Gốc trong hạn: 183.988.000đ); Nợ lãi là 127.077.446đ (Lãi trong hạn: 76.938.930đ; Lãi quá hạn: 50.138.516đ). Tổng dư nợ: 502.677.037đ (Năm trăm linh hai triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn không trăm ba mươi bảy đồng). Đồng thời buộc anh T, chị H phải tiếp tục trả các khoản nợ lãi và phí phát sinh theo Hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử đến ngày thực trả hết toàn bộ khoản vay. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[4]. Đối với tài sản thế chấp: Tại phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của Đội đăng ký xe – Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Phú Thọ trả lời: Loại xe tải có mui 03 chỗ ngồi màu trắng nhãn hiệu DONGFENG, số loại: DFL1160BX5, số khung: LG AX2B135H1818954; số máy: B1703378476184, Biên kiểm soát: 19C-13590; Ngày đăng ký: 19/6/2018; Chủ xe: Trần Thị H, địa chỉ: Khu 2, Đ, Thanh Thủy, Phú Thọ. Như vậy, có căn cứ xác định chiếc xe trên thuộc sở hữu của chủ xe chị Trần Thị H. Để đảm bảo cho khoản vay trên, anh T cùng vợ là chị H đã ký hợp đồng thế chấp xe ô tô trên theo Hợp đồng thế chấp số: 205/2018/HĐBĐ/PVB-LTG với Pvccombank. Anh T thừa nhận đã cùng vợ là chị H ký tên trong hợp đồng thế chấp tài sản. Việc thế chấp trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hà Nội. Như vậy, việc thế chấp tài sản bảo đảm giữa anh T, chị H với Pvccombank đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Do đó, trường hợp anh T, chị H không trả được nợ cho Ngân hàng TMCP Đ, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng là phù hợp, cần được chấp nhận.

[5]. Về án phí và chi phí tố tụng khác: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phí xem xét thẩm định tài sản đối với tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ là phù hợp quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 429, 274, 275, 280, 317, 318, 319, 323, 351, 352, 353, 463, 466, 468, Điều 299, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng; Khoản 1 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 205/2018/HĐTD/PVB-LTG ngày 20/6/2018 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ đối với anh Lê Văn T và chị Trần Thị H, với số tiền vay vốn là 460.000.000đ (Bốn trăm sáu mươi triệu đồng).

Xác nhận anh Lê Văn T và chị Trần Thị H đã trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ tính đến ngày 21/10/2020 gồm: Nợ gốc: 84.400.409đồng, Nợ lãi: 36.881.445đồng. Tổng cộng là: 121.281.854 (Một trăm hai mươi một triệu hai trăm tám mươi một nghìn tám trăm năm mươi tư đồng).

2. Buộc anh Lê Văn T và chị Trần Thị H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền còn nợ gốc là: 375.599.591 đồng; Nợ lãi trong hạn là: 76.938.930đồng; Lãi quá hạn là: 50.138.516đồng. Tổng cộng tính đến hết ngày 09/8/2021 là: 502.677.037đ (Năm trăm linh hai triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn không trăm ba mươi bảy đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 09/8/2021), anh Lê Văn T và chị Trần Thị H không trả được nợ cho Ngân hàng, thì anh T và chị H còn phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 205/2018/HĐTD/PVB-LTG ngày 20/6/2018 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ với anh Lê Văn T và chị Trần Thị H, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trong trường hợp anh T, chị H không trả hết khoản nợ trên, Cơ quan thi hành án có quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ đối với: 01 Xe ô tô tải có mui 03 chỗ ngồi màu trắng nhãn hiệu DONGFENG DFL1160BX5/HH-TM1.B170, số khung: LG AX2B135H1818954; số máy: B1703378476184, Biển kiểm soát: 19C-13590; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 029555, do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 19/6/2018 cho bà Trần Thị H, theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 205/2018/HĐTD/PVB-LTG, giữa anh Lê Văn T, chị Trần Thị H với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

3. Về án phí: Anh Lê Văn T và chị Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 24.107.081đ (Hai mươi bốn triệu một trăm linh bảy nghìn không trăm tám mươi một đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.000.000đ (Mười một triệu đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000688 ngày 21/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

4. Về chi phí tố tụng: Anh Lê Văn T và chị Trần Thị H phải chịu chi phí xem xét thẩm định tài sản là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) và có nghĩa vụ trả số tiền này cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a,7b và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự."

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện TT;
- Thi hành án DS huyện TT;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hồng

- Lãi xuất quá hạn từ 19/5/2018 đến 17/7/2018 (60 ngày): = Dư nợ gốc x lãi suất quá hạn x số ngày quá hạn + lãi lũy kế kỳ trước – tiền lãi đã trả/360 là: $498.258.704 \times 22,35 \times 60 + 5.248.265 - 183.502/360 = 23.624.901$ đ (Hai mươi ba triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn chín trăm linh một đồng);

- Lãi suất quá hạn từ 18/7/2018 đến 31/12/2018 (167 ngày): = Dư nợ gốc x lãi suất quá hạn x số ngày quá hạn/360: $496.984.000đ \times 22,35 \times 167/360 = 51.526.887đ$ (Năm mươi một triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn tám trăm tám mươi bảy đồng);

- Lãi suất quá hạn từ 01/01/2019 đến 30/6/2019 (181 ngày) là: $496.984.000đ \times 23,25 \times 181/360 = 58.095.359đ$ (Năm mươi tám triệu không trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm năm mươi chín đồng);

- Lãi suất quá hạn từ 01/7/2019 đến 31/12/2019 (184 ngày) là: $496.984.000đ \times 23,55 \times 184/360 = 59.820.307đ$ (Năm mươi chín triệu tám trăm hai mươi nghìn ba trăm linh bảy đồng);

- Lãi suất quá hạn từ 01/1/2020 đến 31/3/2020 (91 ngày) là: $496.984.000đ \times 22,95 \times 91/360 = 28.831.284 đ$ (Hai mươi tám triệu tám trăm ba mươi một nghìn hai trăm tám mươi tư đồng);

- Lãi suất quá hạn từ 01/4/2020 đến 30/6/2020 (91 ngày) là: $496.984.000đ \times 22,88 \times 91/360 = 28.737.064$ đồng (Hai mươi tám triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn không trăm sáu mươi tư đồng);

- Lãi suất quá hạn từ 01/7/2020 đến 24/8/2020 (55 ngày) là: $496.984.000đ \times 22,35 \times 55/360 = 16.969.933$ (Mười sáu triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn chín trăm ba mươi ba đồng);

- Phạt chậm trả lãi từ thời điểm bắt đầu quá hạn là: 34.334.558đ (Ba mươi tư triệu ba trăm ba mươi tư nghìn năm trăm năm mươi tám đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Lê Văn T và bà Trần Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 205/2018/HĐTD/PVB-LTG ngày 20/6/2018 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ với ông Lê Văn T và bà Trần Thị H cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của bên cho vay, thì lãi suất mà người vay phải tiếp tục thanh toán cho bên cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của bên cho vay.

Trong trường hợp ông Tiến, bà Thảo không trả hết khoản nợ trên, Cơ quan thi hành án có quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho PVcomBank là: 01 Xe ô tô tải có mui 03 chỗ ngồi màu trắng nhãn hiệu DONGFENG DFL1160BX5/HH-TM1.B170, số khung: LG AX2B135H1818954; số máy: B1703378476184, Biển kiểm soát: 19C-13590; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 029555, Phòng Cảnh sát giao thông – Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 19/6/2018 cho bà Trần Thị H; Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 205/2018/HĐTD/PVB-LTG đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Về chi phí tố tụng: Buộc ông Lê Văn T và bà Trần Thị H phải chịu chi phí thẩm định, xác minh tài sản là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) và có nghĩa vụ trả lại số tiền này cho Ngân hàng TMCP Đ.

3. Về án phí:

- Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.000.000đ (Mười một triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000688 ngày 21/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

- Ông Lê Văn T và bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là:

.....
"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự."

4. Kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án, thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện TT;
- Thi hành án DS huyện TT;
- Lưu HS+ AV.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hồng